

CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CAO NHẤT THEO HIẾN PHÁP NHẬT BẢN

DẶNG NGỌC ĐỨC*

Như chúng ta đã biết, Hiến pháp có một vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống chính trị của mỗi một quốc gia. Là đạo luật cơ bản của nhà nước, Hiến pháp điều chỉnh những quan hệ xã hội cơ bản, quan trọng nhất, gắn với việc xác định chế độ chính trị, chế độ kinh tế, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Hiến pháp Nhật Bản được Nghị viện thông qua vào tháng 10 năm 1946 và có hiệu lực từ ngày 03 tháng 5 năm 1947. Đây là kết quả của một sự thoả hiệp có liên quan đến quyền lợi ở một phạm vi khá rộng của các thế lực chính trị ở trong và ngoài nước.

Khác với Hiến pháp năm 1889 và bản dự thảo Hiến pháp do Chính phủ Nhật Bản soạn thảo năm 1945, Hiến pháp năm 1947 tuyên bố nguyên tắc chủ quyền nhân dân (Lời nói đầu, Điều 1). Nghị viện được tuyên bố là cơ quan cao nhất của quyền lực nhà nước. Hiến pháp quy định cơ cấu và địa vị pháp lý của Nghị viện, thẩm quyền đặc biệt của Thiên hoàng, thiết lập trật tự về việc hình thành Chính phủ; khẳng định nguyên tắc phân chia quyền lực; quy định về các quyền tự do của công dân, về bầu cử Nghị viện; các quy định về vùng và vùng tự quản địa phương, về hệ thống tư pháp và giám sát Hiến pháp... Bài viết này chỉ tập trung vào việc tìm hiểu cơ cấu tổ chức của các cơ quan nhà nước cao nhất theo Hiến pháp Nhật Bản.

Theo hình thức chính thể, Nhật Bản là nước theo chế độ quân chủ đại nghị và do vậy mọi hoạt động cũng như mối quan hệ giữa các cơ quan ở trung ương có những nét đặc trưng cho hình thức chính thể này.

1. Nghị viện

Theo quy định tại Điều 41 của Hiến pháp thì Nghị viện là cơ quan cao nhất của quyền lực nhà nước và cơ quan lập pháp duy nhất của Nhà nước. Nghị viện gồm có hai viện. Theo đề nghị của Chính phủ, Hạ viện – Viện đại biểu có thể bị giải tán trước thời hạn. Mỗi viện có thể bị giải tán trước thời hạn. Mỗi viện có thể bầu chủ tịch và các chức vụ khác của Viện, đồng thời quy định các quy tắc tiến hành các phiên họp, các thủ tục và kỷ luật nội bộ. Theo quy định của luật về Nghị viện thì chức vụ sau đây được bầu trong suốt nhiệm kỳ của Nghị viện, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Chủ tịch lâm thời, Chủ tịch các uỷ ban và Tổng Thư ký của Viện.

Mỗi Viện thành lập hai loại uỷ ban, đó là uỷ ban thường trực và uỷ ban lâm thời. Hiện nay, viện đại biểu có 18 uỷ ban thường trực. Trong số đó có 12 uỷ ban ở một mức độ nhất định đều có liên quan đến công tác, hoạt động của các bộ tương ứng. Ở Thượng viện gồm có 16 uỷ ban. Các uỷ ban chuyên môn có quyền trình các dự án luật mà có liên quan đến chuyên môn của mình, đồng thời giữ vai trò giám sát các bộ của mình. Các uỷ ban đó được hình thành theo tiêu chí đảng phái với chế độ đại diện theo tỷ lệ của các đảng chính trị trong Nghị viện. Mỗi đại biểu

* Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

phải là thành viên của ít nhất là một đến hai uỷ ban. Chủ tịch uỷ ban do các thành viên uỷ ban bầu ra từ đại biểu của đảng trong số đại diện cao nhất.

Ở Nhật Bản hiện nay, cũng như đa số các nước phát triển khác trên thế giới, các uỷ ban Nghị viện Nhật Bản là nơi chủ yếu tiến hành họp xem xét, chuẩn bị phần lớn các dự án luật. Điều này là rất cần thiết và quan trọng, bởi vì nó đảm bảo được tính toàn diện và cụ thể của tất cả các dự án luật. Tuy nhiên, vấn đề này cũng gặp một số trở ngại nhất định bởi vì, một số các đại biểu, những người không phải là đại biểu không được có mặt trong phiên họp theo quy chế làm việc của Viện. Về nguyên tắc, các phiên họp của uỷ ban được chia thành hai loại: “Phiên họp làm việc” và “phiên họp chung”. Tại phiên họp làm việc, những vấn đề quan trọng được thảo luận với sự có mặt của các bộ trưởng, những người có chức vụ cao cấp của Chính phủ. Các “phiên họp chung” xem xét các vấn đề nhỏ hơn hoặc là các quyết định quan trọng đã được thông qua với sự có mặt của các Bộ trưởng, các Thứ trưởng giữ mối quan hệ với Nghị viện và những người có chức vụ thấp hơn.

Các Viện tiến hành các phiên họp công khai. Các phiên họp phải được ghi thành biên bản và phải được công bố có tính rộng rãi; việc biểu quyết của mỗi đại biểu về các vấn đề phải được ghi vào trong biên bản theo đề nghị của ít nhất 1/5 số đại biểu có mặt. Các cuộc họp kín được tiến hành sau khi có nghị quyết được ít nhất 2/3 số đại biểu có mặt thông qua. Các Uỷ ban cũng có thể tiến hành họp công khai và cho phép đại diện các phương tiện thông tin đại chúng có mặt. Đặc biệt là đối với các phiên họp thảo luận về

ngân sách và về các dự án luật liên quan đến thuế phải được tiến hành công khai.

Chức năng cơ bản của Nghị viện Nhật Bản là thông qua các luật và ngân sách. Các luật được cả hai Viện thông qua. Trong quá trình lập pháp, cán cân luôn nghiêng về phía Hạ viện. Điều này đã được Hiến pháp và Luật về Nghị viện của Nhật Bản khẳng định. Cụ thể là, nếu Thượng viện bác bỏ dự án luật đã được Hạ viện thông qua thì dự án luật đó sẽ trở thành luật sau khi được ít nhất 2/3 tổng số thành viên có mặt tại phiên họp của Hạ viện thông qua một lần nữa.

Trong mỗi viện có các ban lập pháp được thành lập để giúp các đại biểu chuẩn bị các dự án luật cũng như kiểm tra các dự án luật của Chính phủ. Các dự thảo do họ chuẩn bị được lãnh đạo Bộ gửi đến Văn phòng Thủ tướng để đánh giá chung và đưa vào những sửa đổi cần thiết. Sau đó dự án luật mới được chuyển lên Nghị viện là nơi dự án luật được ban lập pháp và các uỷ ban khác xem xét. Tại ban lập pháp của mỗi Viện sẽ có ba bộ phận nghiên cứu hoàn thiện các vấn đề thuộc nội dung dự án luật. Sau khi Chủ tịch Viện nhận được dự án luật đã gửi đến sẽ chuyển cho uỷ ban tương xứng để xem xét.

Hạ viện thực hiện sáng kiến lập pháp trong lĩnh vực ngân sách và tài chính. Việc thảo luận dự án luật về ngân sách được tiến hành với sự tham gia của Thủ tướng và tất cả các thành viên Nội các. Điều này là rất quan trọng, bởi vì họ có thể có giải trình cần thiết và trả lời trực tiếp đối với các câu hỏi chất vấn của các đại biểu. Trong quá trình thảo luận còn có sự tham gia của các đại diện xã hội. “Bất kỳ một công dân nào cũng có quyền đưa đơn đề nghị tham gia thảo luận.

Chủ tịch Ủy ban Ngân sách chọn một trong số những người có đơn đề họ tham gia vào việc thảo luận công khai về dự án luật ngân sách”.⁽¹⁾

Nếu Thượng viện thông qua quyết định về ngân sách khác với quyết định của Hạ viện hoặc không đạt được sự thống nhất trong quá trình thảo luận chung của hai Viện hoặc Thượng viện không thông qua quyết định trong vòng 30 ngày sau khi nhận được dự án luật ngân sách do Hạ viện chuyển đến thì quan điểm của Hạ viện sẽ trở thành quyết định của Nghị viện.

Tất cả các dự án luật được thông qua phải có chữ ký của Bộ trưởng phụ trách lĩnh vực công tác và phải được Thủ tướng tiếp ký. Sau đó, dự án luật được chuyển để Thiên hoàng “nhân danh nhân dân” công bố. Luật phải được công bố trong thời hạn 30 ngày và có hiệu lực sau 20 ngày kể từ ngày công bố.

Về công tác đối ngoại, Nghị viện có quyền phê chuẩn các điều ước quốc tế do Chính phủ ký kết. Hiến pháp Nhật Bản quy định, việc phê chuẩn đó được áp dụng thủ tục tương tự như đã quy định cho việc phê chuẩn ngân sách.

Nghị viện thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của Chính phủ. Hiện nay, chức năng giám sát của Nghị viện đối với Chính phủ được thể hiện ngày càng lớn. Hình thức cơ bản của hoạt động giám sát của Nghị viện là chất vấn. Nội dung chất vấn được trình bày bằng văn bản và sau đó được chuyển đến cho Chủ tịch Viện. Nếu Chủ tịch Viện từ chối tiếp nhận chất vấn thì Nghị sỹ

có thể khiếu nại lên Đoàn Chủ tịch Viện. Nội các phải trả lời chất vấn trong thời hạn 07 ngày bằng hình thức văn bản hoặc trả lời miệng.

Về thực hiện vai trò điều tra, các Ủy ban chuyên môn của các Viện có quyền nghe các Bộ trưởng giải trình tại phiên họp của Ủy ban. Tại đầu của mỗi kỳ họp, Thủ tướng phát biểu trước Nghị viện để trình bày chính sách chung của Chính phủ, tiếp đó là bài phát biểu của Bộ trưởng Bộ ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Thiên hoàng

Ở Nhật Bản, ngai vàng được chuyển giao theo thủ tục thừa kế cho thành viên của Hoàng gia. Sự ưu tiên được giành cho con trai cả của Thiên hoàng. Phụ nữ không được thừa kế ngai vàng. Sự trị vì của mỗi hoàng đế được tuyên bố là một “thời đại” và theo đó, việc tiến hành tính thời gian một cách chính thức, có nghĩa là năm đầu tiên trị vì của Thiên hoàng đó được tính là năm thứ nhất của một thời đại tương ứng.

Về mặt pháp lý, Hiến pháp Nhật Bản dành 8 điều quy định về Thiên hoàng. Theo Điều 1 của Hiến pháp, Thiên hoàng là biểu tượng của quốc gia và sự thống nhất của nhân dân. Địa vị của Thiên hoàng được xác định bởi ý chí của toàn dân, là người nắm chủ quyền. Thiên hoàng không được trao những thẩm quyền liên quan tới việc thực hiện quyền lực nhà nước. Tất cả mọi hành động của Nhà vua có liên quan đến công việc của Nhà nước chỉ có thể được tiến hành với sự tư vấn và đồng ý của Nội các và Nội các chịu trách nhiệm về tất cả những vấn đề này. Theo giới thiệu của Nghị viện, Thiên hoàng bổ nhiệm Thủ tướng và theo đề nghị của Thủ tướng, Thiên hoàng bổ nhiệm các thành viên của Nội các; theo đề nghị của Nội các, Thiên hoàng bổ nhiệm Chánh án Tòa án tối cao.

⁽¹⁾ O.A. cuz-nhe-xôv: “Cơ chế pháp lý nhà nước của các quan hệ kinh tế đối ngoại của Nhật”, Luận án Phó tiến sỹ, M., 1990. tr73.

Với sự chấp thuận của Nội các, Thiên hoàng thực hiện thẩm quyền có liên quan đến công việc của Nhà nước và nhân danh nhân dân như: công bố các sửa đổi Hiến pháp, các luật, các sắc lệnh và các điều ước của Chính phủ, triệu tập kỳ họp của Nghị viện, giải tán Viện đại biểu và tuyên bố bầu cử Nghị viện; chứng thực việc bổ nhiệm và từ chức của các Bộ trưởng và những người có chức vụ khác, chứng nhận thẩm quyền và thụ uỷ nhiệm của các đại sứ và đặc phái viên; chứng nhận đặc xá, giảm hình phạt, khôi phục các quyền; ban tặng giải thưởng; tiếp nhận đại sứ nước ngoài; thực hiện các nghi lễ (Điều 7).

Có thể thấy, trên thực tế thẩm quyền của Thiên hoàng Nhật Bản không bằng thẩm quyền của Nữ hoàng Anh. Bởi vì Thiên hoàng Nhật Bản bị tước đi các quyền mang tính truyền thống cho nguyên thủ quốc gia, như quyền phủ quyết và sự tác động đến việc bổ nhiệm Thủ tướng Chính phủ (bởi vì theo quy định của Hiến pháp, Thủ tướng Chính phủ do Nghị viện bầu mà không có sự tham gia của Thiên hoàng) và thành lập Chính phủ (việc này do Thủ tướng thực hiện ngay sau khi được Nghị viện bầu). Thiên hoàng là biểu tượng của sự thống nhất nhân dân, thực hiện các chức năng nghi lễ mang tính thường nhật. Thiên hoàng cũng có mặt trong các nghi lễ dân tộc và các nghi lễ chính thức.

3. Nội các của các Bộ trưởng

Nội các của các Bộ trưởng hay còn gọi là Chính phủ Nhật Bản. Thành phần của Nội các gồm có Thủ tướng Chính phủ, 12 Bộ trưởng đứng đầu các Bộ tương ứng và 8 Bộ trưởng nhà nước - những người thực hiện việc tư vấn cho Thủ tướng hoặc được Thủ tướng giao thực hiện các chức năng khác. Theo quy định của Hiến pháp Nhật Bản, không dưới 50% Bộ trưởng phải là thành

viên của Nghị viện. Tuy nhiên, trên thực tế, rất hiếm khi thành phần Nội các là những người không phải là Nghị sỹ.

Chính phủ Nhật Bản do Nghị viện thành lập. Quy trình đó được thực hiện như sau: trước tiên Nghị viện chọn Thủ tướng trong số các đại biểu của mình. Việc bầu Thủ tướng (Điều 67 của Hiến pháp) được Nghị viện thực hiện đầu tiên. Trong trường hợp hai Viện có bất đồng quan điểm về ứng cử viên Thủ tướng hay Viện tư vấn không có quyết định đề cử trong thời hạn 10 ngày thì Hạ viện quyết định, đồng thời quyết định này cũng là quyết định của cả Nghị viện. Ứng cử viên được Nghị viện bầu được Thiên hoàng Nhật Bản bổ nhiệm vào chức vụ Thủ tướng và theo đề nghị của Thủ tướng, Thiên hoàng bổ nhiệm các Bộ trưởng khác. Các Bộ trưởng chịu trách nhiệm tập thể, vì vậy trong trường hợp Thủ tướng từ chức hay là khuyết chức danh Thủ tướng thì các Bộ trưởng cũng phải từ chức. Trường hợp Chính phủ bị bỏ phiếu bất tín nhiệm hay khi có nghị quyết phê bình Chính phủ được thông qua, Thủ tướng ra quyết định về việc từ chức của Chính phủ hay giải tán Viện đại biểu trong thời hạn 10 ngày.

Theo quy định của Hiến pháp, Nội các Nhật Bản thực hiện quyền hành pháp. Bên cạnh thực hiện các chức năng quản lý chung, Nội các còn có thẩm quyền thực thi luật và tiến hành các công việc nhà nước, lãnh đạo trong chính sách đối ngoại, ký kết các điều ước quốc tế, lãnh đạo công vụ và xây dựng ngân sách trình Nghị viện xem xét, ban hành các sắc lệnh nhân danh Chính phủ.

Nội các thực hiện các chức năng trên cơ sở: thủ tục tiến hành các phiên họp và thông qua các quyết định không được điều chỉnh bằng các văn bản quy phạm pháp luật. Việc thảo luận các vấn đề có liên quan và chuẩn bị

các quyết định được thực hiện một cách bí mật. Các quyết định được Nội các thông qua bằng con đường đồng thuận nhưng không tiến hành biểu quyết.

Thủ tướng Chính phủ với tư cách là người đứng đầu Nội các thực hiện và duy trì tính thống nhất trong Nội các cũng như định hướng và kiểm tra hoạt động của Nội các. Tất cả các dự án luật, ngân sách và các vấn đề khác được Thủ tướng trình bày trước Nghị viện nhân danh Nội các. Thủ tướng ký các luật và sắc lệnh với tư cách cá nhân giống như một Bộ trưởng tương ứng hay với tư cách Thủ tướng sau khi có chữ ký của Bộ trưởng, có nghĩa là tiếp ký chữ ký của Bộ trưởng. Ngoài ra, Thủ tướng còn tiến hành điều chỉnh những bất đồng giữa các thành viên trong Nội các.

Đứng đầu mỗi Bộ là Bộ trưởng và hai Thứ trưởng - một Thứ trưởng Nghị viện (là thành viên của Nghị viện và từ chức cùng với Bộ trưởng⁽²⁾) và Thứ trưởng hành chính. Thứ trưởng hành chính là đại diện giới quan chức cao cấp và duy trì vị trí của mình bất chấp có sự thay đổi liên tục của các Bộ trưởng. Các Thứ trưởng hành chính là những người duy trì tính nhất quán chính sách và đường lối lãnh đạo. Cơ cấu bên trong của Bộ bao gồm các đơn vị được chia thành nhiều bộ phận. Đối với các Bộ quan trọng có các Ủy ban hành chính và các Ủy ban tư vấn để nghiên cứu, chuẩn bị các vấn đề và bảo đảm thông tin cho Chính phủ. Các Ủy ban này có vai trò quan trọng trong việc hạn chế sự lạm quyền của bộ máy quan chức.

Nhìn chung, các Bộ trưởng ở Nhật Bản không phải là các chuyên gia, do vậy mọi công việc phụ thuộc rất lớn vào tinh thần tận

tâm của người dưới quyền. Người lãnh đạo thực sự đối với bộ máy của một Bộ là Thứ trưởng hành chính - người có chuyên môn và nghiệp vụ nhất định. Bộ trưởng là người đại diện của đảng cầm quyền. Toàn bộ hoạt động của Bộ trưởng đều được dẫn dắt bởi lợi ích của đảng cầm quyền. Bộ trưởng có mối liên hệ chặt chẽ với một trong các nhóm đảng trong Nghị viện và phải dành nhiều thời gian cho việc quyết quyết định các vấn đề của đảng.

4. Các cơ quan trợ giúp của Chính phủ

Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, ở Nhật Bản đã bắt đầu thành lập một hệ thống các cơ quan tư vấn. Trong hoạt động của mình thì các cơ quan này chủ yếu dựa vào sự trợ giúp của giới kinh doanh, đội ngũ các nhà khoa học và công đoàn; những thành phần này tư vấn với đại diện của Nghị viện và công chức của bộ máy nhà nước. Với sự trợ giúp đó, Chính phủ có thể nhận thêm được các nguồn thông tin bổ sung bên cạnh các kênh chính thức cung cấp, tiến hành giám định độc lập, tiến hành nghiên cứu từ đó có thể kiểm tra được hoạt động của bộ máy.

Các cơ quan trợ giúp của Chính phủ Nhật Bản phát triển khá nhanh. Một ví dụ thực tế là trong vòng chưa đầy 10 năm, từ năm 1979 đến năm 1987, bộ máy thư ký của Thủ tướng tăng lên gấp hai lần (từ 158 người lên 322 người). Nhìn chung, hệ thống các trợ giúp có cơ cấu tương đối bình ổn. Các cơ quan được thành lập trong các Bộ và các cơ quan quản lý khác cho phép điều hoà và kiểm tra công việc của các vụ và các đơn vị trực thuộc, chuẩn bị các dự thảo mang tính hoà giải và dung hoà, duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan khác có liên quan và các Ủy ban của Nghị viện.

⁽²⁾ Các Bộ trưởng Tài chính, Nông nghiệp và rừng, Ngoại thương và Công nghiệp có hai Thứ trưởng Nghị viện.

Trong nhiều trường hợp, các cơ quan thuộc Chính phủ buộc phải giải quyết các nhiệm vụ tương tự nhưng ở mức độ cao hơn. Cụ thể như điều hoà hoạt động của Bộ và cơ quan thuộc cơ cấu Chính phủ mà không phải là các vụ hay đơn vị thuộc bộ. Nội các của các Bộ trưởng có bộ phận thư ký, Ban lập pháp, Hội đồng về công việc nhân sự, Hội đồng Quốc phòng và Văn phòng Thủ tướng là các cơ quan có các “quyền sách” với một bộ. Các cơ quan này chuẩn bị các vấn đề quan trọng về hoạt động của Nhà nước.

Trong số các cơ quan trực thuộc Nội các thì giữ vai trò quan trọng nhất là các Hội đồng hành chính và các uỷ ban chuyên môn. Hội đồng hành chính hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực quản lý và đòi hỏi sự chuẩn bị ở mức độ cao. Các Uỷ ban chuyên môn nghiên cứu các vấn đề mà việc giải quyết các vấn đề đó có tính bao trùm, vượt ra khỏi thẩm quyền của một bộ. Tất cả các cơ quan nói trên đều trực thuộc Thủ tướng.

Trong số các cơ quan độc lập với Chính phủ có Viện kiểm toán và Hội đồng các cơ quan nhà nước. Viện Kiểm toán có nhiệm vụ kiểm tra ngân sách nhà nước và các chi phí của nhà nước. Hội đồng các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm về các vấn đề công vụ của các quan chức nhà nước và theo dõi để không một đảng nào được thụ hưởng ưu đãi khi đảm nhận các chức vụ nhà nước; còn việc bổ nhiệm phải được tiến hành một cách tuyệt đối trên cơ sở trình độ chuyên môn và kinh nghiệm.

Bên cạnh các cơ quan hỗ trợ được thành lập trong các cơ quan (Chính phủ, các Bộ), ở Nhật Bản còn có một hệ thống các cơ quan được gọi là “tư vấn cá nhân” khá phát triển. Hệ thống các cơ quan này trực thuộc trực tiếp các chức vụ lãnh đạo như Bộ trưởng, Thủ tướng... Sự khác biệt về mặt pháp lý giữa cơ quan “tư vấn cá nhân” với các cơ quan tư vấn của cơ quan là các cơ quan tư

vấn cá nhân được hình thành không theo quyết định của Nghị viện mà bằng nghị quyết của Nội các. Về mặt chính trị thì chúng hướng một cách rõ ràng đến lợi ích của một nhà chính khách cụ thể.

Bài viết này hy vọng góp phần làm rõ được những đặc trưng cơ bản về cơ cấu, tổ chức và hoạt động của hệ thống các cơ quan nhà nước cao nhất theo Hiến pháp Nhật Bản. Nhìn chung, hệ thống các cơ quan nhà nước cao nhất của Nhật Bản đã có những thay đổi đáng kể kể từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai đến nay. Qua các lần cải cách đó các cơ quan nhà nước cao nhất của Nhật Bản được tổ chức khá gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả cao. Đây cũng là một trong những yếu tố quyết định góp phần làm cho Nhật Bản trở thành một cường quốc kinh tế của thế giới. Do đó, việc nghiên cứu, tìm hiểu vấn đề nói trên là cần thiết cho Việt Nam chúng ta, nhằm phục vụ tốt cho công cuộc hội nhập quốc tế, khu vực và phát triển kinh tế – xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tsuneo Inako, *Tìm hiểu pháp luật Nhật Bản*, Nxb Khoa học Xã hội, năm 2003.
2. Dương Phú Hiệp, Phạm Hồng Thái (Chủ biên), *Nhật Bản trên đường cải cách*, Nxb Khoa học Xã hội, năm 2004.
3. Chu Dương, *Thế chế nhà nước của các quốc gia trên thế giới*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2005.
4. *Nền hành chính và cải cách hành chính của Nhật Bản, Việt Nam, Trung Quốc*, Hà Nội, 1996.
5. *Một số vấn đề về Hiến pháp và bộ máy nhà nước*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội, 2002.